TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 06 - 2023
V/v ly hôn giữa chị N và anh S

NHÂN DANH

NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Chuyết
Ông Nguyễn Minh Khâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2023, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1977; Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Địa chỉ liên hệ: 140 đường N5, T, T, D, Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N, anh S vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 1994, tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn bất hoà liên tục, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là: Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 02/09/1996; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/09/1998 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 19/05/2001. Hiện các con chung đã trưởng thành và lao động tự lập được nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Bà Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày: Thời gian kết hôn đúng như bà N trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; do tính tình không hợp, hơn nữa bà N có quan hệ ngoài luồng nên bà đã bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay bà N xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là: Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 02/09/1996; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/09/1998 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 19/05/2001. Hiện các con đã trưởng thành và lao động tự lập được nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bà N và ông S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2014, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Từ năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng về quan điểm, mặt khác ông S cho rằng bà N có quan hệ ngoài luồng cũng từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Ông S có lời khai nhất trí ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn S đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa bà N, ông S vắng mặt nhưng đều có lời khai trình bày về con chung, hiện các con của ông bà đã đến tuổi trưởng thành và lao động tự lập được. Bà N, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Bà N, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét .

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn S có 03 con chung là: Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 02/09/1996; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/09/1998 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 19/05/2001. Hiện các con đã đến tuổi trưởng thành và lao động tự lập được.

3. Án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002283 ngày 11/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.